Người ký: Ủy ban Nhân dân tỉnh Gia Lai
Email: ubndtinh@gialai.gov.vn
Cơ quan: Tỉnh Gia Lai
Thời gian ký: 14.02.2019 14:00:28 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 83 /QĐ-UBND	*Gia Lai, ngày 14 tháng 2 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Bộ Chỉ số cải cách hành chính của các sở, ban, ngành tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh Gia Lai

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 30c/NQ-CP ngày 08/11/2011 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011-2020, Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 13/6/2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 30c/NQ-CP của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011-2020;

Căn cứ Quyết định số 2636/QĐ-BNV ngày 10/12/2018 của Bộ Nội vụ phê duyệt Đề án "Xác định Chỉ số cải cách hành chính của các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương";

Căn cứ Quyết định số 442/QĐ-UBND ngày 01/7/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về ban hành Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2016-2020;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại văn bản số 181/SNV-CCHC ngày 30/01/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Bộ Chỉ số Cải cách hành chính của các sở, ban, ngành tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 355/QĐ-UBND ngày 26/7/2018 của UBND tỉnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc sở, thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: - Như Điều 3; - Bộ Nội vụ (Vụ CCHC); - TT. Tỉnh ủy; TT. HĐND tỉnh; - CT, các PCT. UBND tỉnh (b/c); - Cổng TTĐT tỉnh; Trang TTĐT Sở Nội vụ; - Lưu: VT, TCHC, NC.	**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN** **CHỦ TỊCH** **Võ Ngọc Thành**

Bảng 1

Chỉ số cải cách hành chính của sở, ban, ngành tỉnh

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 83 /QĐ-UBND ngày 14 / 02 /2019 của UBND tỉnh)

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá thực tế				Chỉ số
			Tự đánh giá	Hội đồng đánh giá	Điều tra XHH	Điểm đạt được	
I	**ĐIỂM ĐÁNH GIÁ VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CCHC**	**65**					
1	**CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH CCHC**	**8.25**					
1.1	***Kế hoạch CCHC***	*1.5*					
1.1.1	Ban hành kế hoạch CCHC	0.5					
	Đạt yêu cầu theo hướng dẫn của Sở Nội vụ: 0.5						
	Không đạt yêu cầu theo hướng dẫn của Sở Nội vụ: 0						
1.1.2	Mức độ hoàn thành kế hoạch CCHC (căn cứ sản phẩm đầu ra đạt được theo kế hoạch của cơ quan, đơn vị)	1					
	Hoàn thành 100% kế hoạch: 1						
	Hoàn thành từ 80% - dưới 100% kế hoạch: 0.5						
	Hoàn thành dưới 80% kế hoạch: 0						
1.2	***Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ***	*1.75*					
	Báo cáo định kỳ quý, 6 tháng, năm về CCHC: 0.5						
	Báo cáo năm rà soát VBQPPL: 0.25						
	Báo cáo năm về theo dõi thi hành pháp luật: 0.25						
	Báo cáo năm về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức: 0.25						

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá thực tế				Chỉ số
			Tự đánh giá	Hội đồng đánh giá	Điều tra XHH	Điểm đạt được	
	Báo cáo định kỳ hàng quý, năm về kết quả ứng dụng CNTT: 0.5						
1.3	***Công tác kiểm tra CCHC***	*2*					
1.3.1	Tỷ lệ các phòng, ban chuyên môn và đơn vị trực thuộc được kiểm tra trong năm	1					
	Từ 30% số đơn vị trở lên: 1						
	Từ 20% - dưới 30% số đơn vị: 0.5						
	Dưới 20% số đơn vị: 0						
1.3.2	Xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	1					
	100% số vấn đề phát hiện được xử lý/kiến nghị xử lý: 1						
	Từ 70% - dưới 100% số vấn đề phát hiện được xử lý/kiến nghị xử lý: 0.5						
	Dưới 70% số vấn đề đã xử lý/kiến nghị xử lý: 0						
1.4	***Công tác tuyên truyền CCHC***	*2*					
1.4.1	Mức độ hoàn thành kế hoạch tuyên truyền CCHC	1					
	Hoàn thành 100% kế hoạch: 1						
	Hoàn thành dưới 100% kế hoạch: 0						
1.4.2	Thực hiện các hình thức tuyên truyền CCHC	1					
	Thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ UBND tỉnh giao trong kế hoạch tuyên truyền CCHC của tỉnh trong năm: 0.5						
	Thực hiện các hình thức tuyên truyền khác về CCHC: 0.5						

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá thực tế				Chỉ số
			Tự đánh giá	Hội đồng đánh giá	Điều tra XHH	Điểm đạt được	
1.5	***Thực hiện các nhiệm vụ được Chủ tịch UBND tỉnh hoặc UBND tỉnh giao***	*1*					
	Hoàn thành 100% nhiệm vụ được giao, đảm bảo chất lượng và thời gian quy định: 1						
	Hoàn thành 100% số nhiệm vụ được giao nhưng có nhiệm vụ hoàn thành muộn so với tiến độ: 0.5						
	Hoàn thành dưới 100% số nhiệm vụ được giao: 0						
2	**XÂY DỰNG VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT TẠI CƠ QUAN, ĐƠN VỊ**	4					
2.1	***Theo dõi thi hành pháp luật (TDTHPL)***	*2*					
2.1.1	Thực hiện các hoạt động về TDTHPL	1					
	Thu thập thông tin về tình hình thi hành pháp luật: 0.25						
	Kiểm tra tình hình thi hành pháp luật: 0.25						
	Điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật: 0.5						
2.1.2	Xử lý kết quả TDTHPL	1					
	Ban hành đầy đủ văn bản xử lý hoặc kiến nghị xử lý kết quả TDTHPL theo thẩm quyền: 1						
	Không ban hành đầy đủ văn bản xử lý hoặc kiến nghị xử lý kết quả TDTHPL theo thẩm quyền: 0						
2.2	***Xử lý VBQPPL sau rà soát***	*1*					
	100% số văn bản được tham mưu xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 1						

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá thực tế				Chỉ số
			Tự đánh giá	Hội đồng đánh giá	Điều tra XHH	Điểm đạt được	
	Dưới 100% số văn bản được tham mưu xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0						
2.3	***Xử lý văn bản phát hiện sai phạm qua kiểm tra hoặc tự kiểm tra***	*1*					
	Từ 100% số văn bản được tham mưu xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 1						
	Dưới 100% số văn bản được tham mưu xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0						
3	**CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH (TTHC)**	**17.5**					
3.1	***Rà soát, đánh giá TTHC***	*3*					
3.1.1	Ban hành kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC của cơ quan, đơn vị	1					
	Có văn bản đăng ký rà soát, đánh giá TTHC và có ban hành kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC đúng nội dung, thời gian quy định: 1						
	Không có văn bản đăng ký rà soát, đánh giá TTHC và không ban hành kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC đúng nội dung, thời gian quy định: 0						
3.1.2	Mức độ hoàn thành kế hoạch	1					
	Hoàn thành 100% kế hoạch: 1						
	Hoàn thành từ 70% - dưới 100% kế hoạch: 0.5						
	Hoàn thành dưới 70% kế hoạch: 0						

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá thực tế				Chỉ số
			Tự đánh giá	Hội đồng đánh giá	Điều tra XHH	Điểm đạt được	
3.1.3	Xử lý các vấn đề phát hiện qua rà soát TTHC	1					
	100% số vấn đề phát hiện qua rà soát được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 1						
	Từ 70% - dưới 100% vấn đề phát hiện qua rà soát được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0.5						
	Dưới 70% số vấn đề phát hiện qua rà soát được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0						
3.2	***Công bố, công khai TTHC và kết quả giải quyết hồ sơ***	***5***					
3.2.1	Trình UBND tỉnh công bố TTHC và danh mục TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của các đơn vị, địa phương	1					
	Đúng quy định: 1						
	Không đúng quy định: 0						
3.2.2	Công khai TTHC trên Cổng/Trang thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị	1					
	100% số TTHC được đăng tải đầy đủ, kịp thời, đúng quy định: 1						
	Dưới 100% số TTHC được đăng tải đầy đủ, kịp thời, đúng quy định: 0						
3.2.3	Công khai các chuẩn mực, các quy định hành chính, công bố phí, lệ phí tại nơi tiếp nhận và trả kết quả tạo điều kiện cho tổ chức, công dân giám sát	1					

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá thực tế				Chỉ số
			Tự đánh giá	Hội đồng đánh giá	Điều tra XHH	Điểm đạt được	
	Thực hiện đầy đủ: 1						
	Không thực hiện đầy đủ: 0						
3.2.4	Công khai tiến độ, kết quả giải quyết hồ sơ TTHC trên Cổng/Trang thông tin điện tử	2					
	100% số hồ sơ, TTHC đã được công khai tiến độ, kết quả giải quyết đúng quy định: 2						
	Dưới 100% số hồ sơ, TTHC đã được công khai tiến độ, kết quả giải quyết đúng quy định: 0						
3.3	***Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông***	*1*					
3.3.1	Tỷ lệ TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan, đơn vị được thực hiện theo cơ chế một cửa	0.5					
	100% số TTHC: 0.5						
	Dưới 100% số TTHC: 0						
3.3.2	Số TTHC hoặc nhóm TTHC được giải quyết theo hình thức liên thông cùng cấp	0.25					
	Từ 3 TTHC hoặc nhóm TTHC trở lên: 0.25						
	Từ 1-2 TTHC hoặc nhóm TTHC: 0.125						
	Không TTHC hoặc nhóm TTHC: 0						
3.3.3	Số TTHC hoặc nhóm TTHC được giải quyết theo hình thức liên thông giữa các cấp chính quyền	0.25					

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá thực tế				Chỉ số
			Tự đánh giá	Hội đồng đánh giá	Điều tra XHH	Điểm đạt được	
	Từ 3 TTHC hoặc nhóm TTHC trở lên: 0.25						
	Từ 1-2 TTHC hoặc nhóm TTHC: 0.125						
	Không TTHC hoặc nhóm TTHC: 0						
3.4	***Tỷ lệ hồ sơ TTHC do cơ quan, đơn vị tiếp nhận trong năm được giải quyết đúng hạn***	*2*					
	100% số hồ sơ TTHC trong năm được giải quyết đúng hạn: 2						
	Từ 95% - dưới 100% số hồ sơ TTHC trong năm được giải quyết đúng hạn: 1						
	Từ 70% - dưới 95% số hồ sơ TTHC trong năm được giải quyết đúng hạn: 0.5						
	Dưới 70% số hồ sơ TTHC trong năm được giải quyết đúng hạn: 0						
3.5	***Thực hiện chính sách và mức độ hiện đại hóa tại nơi tiếp nhận và trả kết quả của cơ quan, đơn vị***	*1.5*					
3.5.1	Bố trí công chức; thực hiện chế độ phụ cấp; đồng phục và đeo thẻ công chức đối với công chức làm việc tại nơi tiếp nhận và trả kết quả theo quy định	0.5					
	Thực hiện đúng theo quy định: 0.5						
	Không thực hiện đúng theo quy định: 0						
3.5.2	Tỷ lệ TTHC được đưa vào xử lý trên phần mềm Một cửa điện tử	1					

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá thực tế				Chỉ số
			Tự đánh giá	Hội đồng đánh giá	Điều tra XHH	Điểm đạt được	
	100% TTHC được đưa vào xử lý trên phần mềm Một cửa điện tử: 1						
	Dưới 100% TTHC được đưa vào xử lý trên phần mềm Một cửa điện tử: 0						
3.6	***Thực hiện các biểu mẫu theo quy định tại nơi tiếp nhận và trả kết quả của cơ quan, đơn vị***	*3*					
3.6.1	Thực hiện đúng các biểu mẫu, sổ quản lý hồ sơ (hoặc phần mềm theo dõi) theo quy định tại nơi tiếp nhận và trả kết quả	1					
	Thực hiện đúng quy định: 1						
	Thực hiện không đúng quy định: 0						
3.6.2	Việc cập nhật thông tin vào các biểu mẫu, sổ quản lý hồ sơ (hoặc phần mềm theo dõi)	1					
	Đầy đủ, chính xác: 1						
	Chưa đầy đủ, chính xác: 0						
3.6.3	Tiếp nhận đúng các thành phần hồ sơ như TTHC đã niêm yết, công khai	1					
	Thực hiện đúng quy định: 1						
	Thực hiện không đúng quy định: 0						
3.7	***Thực hiện xin lỗi tổ chức, công dân đối với trường hợp hồ sơ quá hạn giải quyết của cơ quan, đơn vị và các đơn vị trực thuộc (nếu có)***	*1*					

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá thực tế				Chỉ s
			Tự đánh giá	Hội đồng đánh giá	Điều tra XHH	Điểm đạt được	
	100% hồ sơ quá hạn giải quyết có văn bản xin lỗi: 1						
	Dưới 100% hồ sơ quá hạn giải quyết có văn bản xin lỗi: 0						
3.8	***Tiếp nhận và xử lý phản ánh, kiến nghị (PAKN) của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan, đơn vị và các đơn vị trực thuộc***	*1*					
3.8.1	Thực hiện việc tiếp nhận PAKN của cá nhân, tổ chức đối với việc giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền của cơ quan, đơn vị và các đơn vị trực thuộc	0.5					
	Niêm yết công khai nội dung hướng dẫn và đường dây nóng; thực hiện tiếp nhận PAKN của công dân, tổ chức đúng quy định: 0.5						
	Không niêm yết hoặc niêm yết không đầy đủ, không đúng quy định hoặc không thực hiện việc tiếp nhận PAKN: 0						
3.8.2	Xử lý, giải quyết PAKN của cá nhân, tổ chức đối với việc giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền của cơ quan, đơn vị và các đơn vị trực thuộc	0.5					
	100% số PAKN được xử lý, giải quyết hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý: 0.5						
	Dưới 100% số PAKN được xử lý, giải quyết hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý: 0						
4	**CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH**	**6**					

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá thực tế				Chỉ số
			Tự đánh giá	Hội đồng đánh giá	Điều tra XHH	Điểm đạt được	
4.1	*Thực hiện các quy định của Trung ương và của tỉnh về tổ chức bộ máy, chức năng, nhiệm vụ của các phòng, ban chuyên môn và các đơn vị trực thuộc*	*2*					
4.1.1	Thực hiện các quy định của Trung ương và của tỉnh về tổ chức bộ máy, chức năng, nhiệm vụ của phòng, ban chuyên môn và các đơn vị trực thuộc	1					
	Thực hiện đúng quy định: 1						
	Thực hiện chưa đúng quy định: 0						
4.1.2	Thực hiện quy định về cơ cấu số lượng lãnh đạo cấp phòng thuộc sở và tương đương tại các cơ quan, đơn vị	1					
	Thực hiện đúng quy định: 1						
	Thực hiện không đúng quy định: 0						
4.2	***Thực hiện các quy định về quản lý biên chế***	*3*					
4.2.1	Thực hiện quy định về sử dụng biên chế hành chính	1					
	Sử dụng không vượt quá số lượng biên chế hành chính được giao: 1						
	Sử dụng vượt quá số lượng biên chế hành chính được giao: 0						
4.2.2	Thực hiện quy định về số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc	1					
	Sử dụng không vượt quá số lượng người làm việc được giao: 1						

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá thực tế				Chỉ số
			Tự đánh giá	Hội đồng đánh giá	Điều tra XHH	Điểm đạt được	
	Sử dụng vượt quá số lượng người làm việc được giao: 0						
4.2.3	Mức độ hoàn thành kế hoạch tinh giản biên chế của cơ quan, đơn vị và các đơn vị trực thuộc	1					
	Hoàn thành 100% kế hoạch: 1						
	Không hoàn thành 100% kế hoạch: 0						
4.3	***Thực hiện các quy định về phân cấp quản lý do Trung ương và UBND tỉnh ban hành thuộc chức năng quản lý của cơ quan, đơn vị***	*1*					
	Thực hiện đầy đủ các quy định: 1						
	Thực hiện không đầy đủ các quy định: 0						
5	**XÂY DỰNG VÀ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC**	**6.5**					
5.1	***Thực hiện cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí việc làm***	*2*					
5.1.1	Cơ quan, đơn vị bố trí công chức theo đúng vị trí việc làm được phê duyệt	1					
	Không có tình trạng ký hợp đồng lao động làm công tác chuyên môn, nghiệp vụ: 1						
	Còn tình trạng ký hợp đồng lao động làm công tác chuyên môn, nghiệp vụ: 0						

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá thực tế				Chỉ số
			Tự đánh giá	Hội đồng đánh giá	Điều tra XHH	Điểm đạt được	
5.1.2	Đơn vị trực thuộc cơ quan, đơn vị bố trí viên chức theo đúng vị trí việc làm được phê duyệt	1					
	Đã xây dựng Đề án điều chỉnh, tinh giản vị trí việc làm trong các đơn vị sự nghiệp công lập: 0.25						
	80% đơn vị đã hoàn thiện mô tả công việc và khung năng lực của từng vị trí việc làm theo danh mục vị trí việc làm đã được UBND tỉnh phê duyệt: 0.5						
	Bố trí viên chức theo đúng vị trí việc làm được phê duyệt: 0.25						
	Bố trí viên chức chưa đúng vị trí việc làm được phê duyệt: 0						
5.2	***Thực hiện quy định về bổ nhiệm, bổ nhiệm lại vị trí lãnh đạo cấp phòng thuộc sở và tương đương tại các cơ quan, đơn vị***	*1*					
	100% số lãnh đạo được bổ nhiệm, bổ nhiệm lại đúng quy định: 1						
	Dưới 100% số lãnh đạo được bổ nhiệm, bổ nhiệm lại đúng quy định: 0						
5.3	***Xử lý kịp thời các trường hợp vi phạm sau khi có kết luận vi phạm của các cơ quan có thẩm quyền***	*1*					
	Xử lý, khắc phục kịp thời: 1						
	Xử lý, khắc phục chưa kịp thời: 0						
5.4	***Đánh giá, phân loại công chức, viên chức***	*1.5*					

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá thực tế				Chỉ số
			Tự đánh giá	Hội đồng đánh giá	Điều tra XHH	Điểm đạt được	
5.4.1	Thực hiện trình tự, thủ tục đánh giá, phân loại công chức, viên chức và báo cáo đúng thời gian quy định	0.5					
	Thực hiện đúng quy định: 0.5						
	Không thực hiện đúng quy định: 0						
5.4.2	Chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức, viên chức	1					
	Trong năm không có cán bộ, công chức làm việc tại cơ quan, đơn vị bị kỷ luật từ mức khiển trách trở lên: 0.5						
	Trong năm không có công chức, viên chức làm việc tại các đơn vị trực thuộc cơ quan, đơn vị bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên: 0.5						
5.5	***Mức độ hoàn thành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC của cơ quan, đơn vị***	*1*					
	Hoàn thành 100% kế hoạch: 1						
	Hoàn thành từ 80% - dưới 100% kế hoạch: 0.5						
	Hoàn thành dưới 80% kế hoạch: 0						
6	**CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG**	**10**					
6.1	***Tổ chức thực hiện các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách tại cơ quan, đơn vị***	*1*					
	100% số kiến nghị được thực hiện: 1						
	Từ 80% - dưới 100% số kiến nghị được thực hiện: 0.5						

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá thực tế				Chỉ số
			Tự đánh giá	Hội đồng đánh giá	Điều tra XHH	Điểm đạt được	
	Dưới 80% số kiến nghị được thực hiện: 0						
6.2	***Tỷ lệ đơn vị hành chính trực thuộc triển khai thực hiện cơ chế khoán biên chế và kinh phí hành chính theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP và Nghị định số 117/2013/NĐ-CP của Chính phủ***	*1*					
	100% số đơn vị triển khai thực hiện và có ban hành quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế quản lý sử dụng tài sản công: 1						-
	Dưới 100% số đơn vị triển khai thực hiện và có ban hành quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế quản lý sử dụng tài sản công: 0						
6.3	***Tỷ lệ đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức khoa học và công nghệ công lập trực thuộc triển khai thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm theo Nghị định số 43/2006/NĐ-CP; Nghị định số 16/2015/NĐ-CP; Nghị định số 141/2016/NĐ-CP; Nghị định số 54/2016/NĐ-CP của Chính phủ***	*1*					
	100% số đơn vị triển khai thực hiện và có ban hành quy chế chi tiêu nội bộ: 1						
	Dưới 100% số đơn vị triển khai thực hiện và có ban hành quy chế chi tiêu nội bộ: 0						
6.4	***Xây dựng dự toán ngân sách hàng năm***	*1*					
	Thực hiện đúng thời gian quy định: 1						
	Không thực hiện hoặc thực hiện không đúng thời gian quy định: 0						-

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá thực tế				Chỉ số
			Tự đánh giá	Hội đồng đánh giá	Điều tra XHH	Điểm đạt được	
6.5	***Báo cáo quyết toán và báo cáo đánh giá hiệu quả của việc thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính; cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm tại các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc (nếu có)***	*1*					
	Đủ số lượng và đảm bảo về nội dung và thời gian theo quy định: 1						
	Không đủ số lượng hoặc không đảm bảo về nội dung hoặc thời gian theo quy định: 0						
6.6	***Quản lý, sử dụng kinh phí hành chính***	*0.5*					
	Thực hiện đúng quy định về quản lý, sử dụng kinh phí hành chính: 0.5						
	Không thực hiện đúng quy định về quản lý, sử dụng kinh phí hành chính: 0						
6.7	***Thực hiện các quy định và báo cáo tình hình quản lý sử dụng tài sản công tại cơ quan, đơn vị***	*1*					
	Đúng theo quy định: 1						
	Không đúng theo quy định: 0						
6.8	***Thực hiện cơ chế tự chủ tại các đơn vị sự nghiệp công lập***	*3.5*					
6.8.1	Số đơn vị SNCL tự bảo đảm chi thường xuyên	1					
	Có thêm từ 02 đơn vị trở lên: 1						
	Có thêm 01 đơn vị: 0.5						

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá thực tế				Chỉ số
			Tự đánh giá	Hội đồng đánh giá	Điều tra XHH	Điểm đạt được	
	Không có thêm: 0						
6.8.2	Số đơn vị SNCL tự bảo đảm một phần chi thường xuyên	0.5					
	Có thêm từ 02 đơn vị trở lên: 0.5						
	Có thêm 01 đơn vị: 0.25						
	Không có thêm: 0						
6.8.3	Thực hiện quy định về việc phân phối kết quả tài chính hoặc sử dụng kinh phí tiết kiệm chi thường xuyên trong năm tại các đơn vị SNCL	1					
	Không có sai phạm được phát hiện trong năm đánh giá: 1						
	Có sai phạm được phát hiện trong năm đánh giá: 0						
6.8.4	Tỷ lệ giảm chi trực tiếp ngân sách cho đơn vị sự nghiệp so với năm 2015	1					
	Đạt tỷ lệ từ 10% trở lên: 1						
	Đạt tỷ lệ dưới 10%: 0						
7	**HIỆN ĐẠI HÓA HÀNH CHÍNH**	**12.75**					
7.1	***Ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) của cơ quan, đơn vị***	*4*					
7.1.1	Tỷ lệ văn bản trao đổi giữa các cơ quan hành chính nhà nước dưới dạng điện tử và được ký chữ ký số của Ban Cơ yếu Chính phủ	1					
	100% số văn bản (trừ văn bản Mật): 1						
	Từ 90% - dưới 100% văn bản (trừ văn bản Mật): 0.5						

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá thực tế				Chỉ số
			Tự đánh giá	Hội đồng đánh giá	Điều tra XHH	Điểm đạt được	
	Dưới 90% số văn bản: 0						
7.1.2	Chất lượng Cổng/Trang thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị	1					
	Thông tin kịp thời, đầy đủ: 1						
	Thông tin không kịp thời, không đầy đủ: 0						
7.1.3	Việc xử lý văn bản đến/đi trong nội bộ đơn vị được thực hiện hoàn toàn trên phần mềm Quản lý văn bản và điều hành	2					
	Văn bản đến/đi trong nội bộ đơn vị được thực hiện hoàn toàn trên phần mềm: 2						
	Văn bản đến/đi trong nội bộ đơn vị không được thực hiện hoàn toàn trên phần mềm: 0						
7.2	***Cung cấp dịch vụ công trực tuyến***	***2.25***					
7.2.1	Tỷ lệ TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3, 4 có phát sinh hồ sơ trong năm	0.25					
	Từ 60% số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3, 4 trở lên có phát sinh hồ sơ: 0.25						
	Dưới 60% số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3, 4 có phát sinh hồ sơ: 0						
7.2.2	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được xử lý trực tuyến mức độ 3	1					
	Từ 40% số hồ sơ TTHC trở lên: 1						
	Từ 20% - dưới 40% số hồ sơ TTHC: 0.5						

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá thực tế				Chỉ số
			Tự đánh giá	Hội đồng đánh giá	Điều tra XHH	Điểm đạt được	
	Dưới 20% số hồ sơ TTHC: 0						
7.2.3	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được xử lý trực tuyến mức độ 4	1					
	Từ 30% số hồ sơ TTHC trở lên: 1						
	Từ 10% - dưới 30% số hồ sơ TTHC: 0.5						
	Dưới 10% số hồ sơ TTHC: 0						
7.3	***Thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích (BCCI)***	*2*					
7.3.1	Tỷ lệ TTHC đã triển khai có phát sinh hồ sơ tiếp nhận/trả kết quả giải quyết qua dịch vụ BCCI	1					
	Từ 50% số TTHC trở lên có phát sinh hồ sơ: 1						
	Dưới 50% số TTHC có phát sinh hồ sơ: 0						
7.3.2	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận qua dịch vụ BCCI	0.5					
	Từ 15% số hồ sơ TTHC trở lên: 0.5						
	Từ 10% - dưới 15% số hồ sơ: 0.25						
	Dưới 10% số hồ sơ: 0						
7.3.3	Tỷ lệ kết quả giải quyết TTHC được trả qua dịch vụ BCCI	0.5					
	Từ 15% số hồ sơ TTHC trở lên: 0.5						
	Từ 10% - dưới 15% số hồ sơ: 0.25						
	Dưới 10% số hồ sơ: 0						

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá thực tế				Chỉ số
			Tự đánh giá	Hội đồng đánh giá	Điều tra XHH	Điểm đạt được	
7.4	*Áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng (ISO 9001) theo quy định*	*4.5*					
7.4.1	Thực hiện triển khai áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng tại tất cả các phòng, ban chuyên môn thuộc cơ quan, đơn vị	1					
	Đúng theo quy định:1						
	Không đúng theo quy định: 0						
7.4.2	Thực hiện việc công bố áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001 của cơ quan, đơn vị	0.5					
	Thực hiện đầy đủ theo yêu cầu: 0.5						
	Không thực hiện đầy đủ theo yêu cầu: 0						
7.4.3	Thực hiện áp dụng và duy trì tốt Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001 vào hoạt động, gồm 4 hoạt động:	1					
	+ Ban hành mục tiêu chất lượng: 0.25;						
	+ Tổ chức hoạt động đánh giá nội bộ định kỳ theo quy trình đánh giá nội bộ đã xây dựng: 0.25;						
	+ Đánh giá thực hiện mục tiêu chất lượng: 0.25;						
	+ Tiến hành xem xét của lãnh đạo hàng năm: 0.25.						
7.4.4	Việc kiểm soát, vận hành Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001	1					

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá thực tế				Chỉ số
			Tự đánh giá	Hội đồng đánh giá	Điều tra XHH	Điểm đạt được	
	Thực hiện đầy đủ việc rà soát, sửa đổi, bổ sung cập nhật quy trình giải quyết thủ tục hành chính, kể từ khi văn bản quy phạm pháp luật hoặc quyết định công bố thủ tục hành chính có hiệu lực thi hành:						
	+ Trong vòng 45 ngày: 0.5						
	+ Trong vòng 90 ngày: 0.25						
	+ Quá 90 ngày: 0						
	Thực hiện khắc phục các điểm không phù hợp của Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001 sau các lần đánh giá nội bộ, xem xét của lãnh đạo và cuộc kiểm tra, giám sát của các Đoàn kiểm tra:						
	- Đã thực hiện: 0.5						
	- Không thực hiện: 0						
7.4.5	Báo cáo hàng năm việc áp dụng, duy trì, cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001 vào hoạt động quản lý của cơ quan, đơn vị	1					
	Thực hiện đúng thời gian quy định: 1						
	Thực hiện không đúng thời gian hoặc không có báo cáo: 0						
II	**ĐIỂM THƯỞNG**	**5**					
1	Có đề xuất giải pháp hoặc cách làm mới được UBND tỉnh phê duyệt áp dụng trên địa bàn tỉnh mang lại hiệu quả trong công tác CCHC	1					

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá thực tế				Chỉ số
			Tự đánh giá	Hội đồng đánh giá	Điều tra XHH	Điểm đạt được	
2	Trong năm không có hồ sơ, TTHC giải quyết trễ hạn dưới bất kỳ hình thức nào (qua kiểm tra trên phần mềm Hệ thống tổng hợp thông tin Một cửa tỉnh Gia Lai và qua kiểm tra thực tế của các Đoàn thanh tra, kiểm tra, giám sát…)	1					
3	Kết quả quản lý, điều hành của người đứng đầu cơ quan, đơn vị trong việc đạt điểm tối đa các tiêu chí 1.1; 1.2; 1.3; 1.4; 1.5	1					
4	Có rà soát, đề xuất cấp có thẩm quyền cắt giảm TTHC thuộc thẩm quyền thực hiện của cơ quan, đơn vị	1					
5	100% TTHC đã triển khai có phát sinh hồ sơ tiếp nhận/trả kết quả giải quyết qua dịch vụ BCCI	1					
III	**ĐIỂM TRỪ**	**5**					
1	Có đơn thư phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo về kết quả giải quyết công việc, TTHC, thái độ, hành vi gây phiền hà, những nhiễu, chậm trễ của cán bộ, công chức, viên chức được cơ quan có thẩm quyền xử lý đúng hoặc đúng một phần	1					
2	Không đề xuất Chủ tịch UBND tỉnh công bố TTHC mới, TTHC sửa đổi hoặc bãi bỏ đầy đủ, kịp thời trong thời gian quy định	1					
3	Thực hiện không đúng quy trình xây dựng văn bản QPPL *(Nếu có xây dựng văn bản QPPL)*	1					
4	Có từ 01 hồ sơ TTHC trở lên trong năm giải quyết trễ hạn nhưng không thực hiện văn bản xin lỗi tổ chức, cá nhân	1					

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá thực tế				Chỉ số
			Tự đánh giá	Hội đồng đánh giá	Điều tra XHH	Điểm đạt được	
5	Không thực hiện đầy đủ công tác hệ thống hóa văn bản QPPL (nếu có) theo Kế hoạch của UBND tỉnh	1					
IV	**ĐIỀU TRA XÃ HỘI HỌC**	**30**					
1	Thời gian trả kết quả giải quyết, xử lý hồ sơ thủ tục hành chính so với quy định hoặc yêu cầu của cơ quan, đơn vị chủ trì	2					
2	Số lần phải liên hệ với cơ quan tiếp nhận để hoàn thiện hồ sơ thủ tục hành chính (kể cả liên hệ theo hình thức trực tuyến)	2					
3	Tính chính xác, đầy đủ, kịp thời của thông tin thủ tục hành chính được công khai so với quy định	2					
4	Thái độ ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, giải quyết thủ tục hành chính	2					
5	Sự phù hợp với pháp luật của kết quả giải quyết thủ tục hành chính và chi phí thực hiện thủ tục hành chính; các chi phí phát sinh ngoài quy định của pháp luật khi thực hiện các thủ tục hành chính	2					
6	Thời gian và chất lượng ý kiến giải trình của cơ quan có thẩm quyền, cán bộ, công chức, viên chức đối với các ý kiến phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của tổ chức, cá nhân	2					
7	Tiến độ và chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến của cơ quan có thẩm quyền	2					

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá thực tế				Chỉ số
			Tự đánh giá	Hội đồng đánh giá	Điều tra XHH	Điểm đạt được	
8	Thời gian thực hiện của từng cơ quan, đơn vị tham gia giải quyết (kể cả đơn vị phối hợp) so với quy định	2					
9	Số lượng cơ quan, đơn vị, tổ chức phải liên hệ để hoàn thiện hồ sơ thủ tục hành chính (kể cả liên hệ theo hình thức trực tuyến)	2					
10	Thực hiện tổ chức tiếp nhận hồ sơ, giải quyết, trả kết quả tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	2					
11	Công khai TTHC	2					
12	Thái độ của cán bộ, công chức, viên chức khi hướng dẫn lập hồ sơ, tiếp nhận hồ sơ và giải quyết thủ tục hành chính	2					
13	Mức độ kịp thời, đầy đủ và thuận tiện trong việc truy cập, khai thác thông tin trên Cổng/Trang thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị và sự thuận tiện trong việc tìm hiểu thông tin để giải quyết hồ sơ, TTHC (tuyên truyền, phổ biến đến người dân...)	2					
14	Tình trạng lợi dụng chức vụ, quyền hạn để trục lợi cá nhân của công chức giải quyết hồ sơ TTHC	2					
15	Có thực hiện văn bản xin lỗi tổ chức, công dân đối với các hồ sơ TTHC giải quyết quá hạn	2					
	TỔNG ĐIỂM	**100**					

Bảng 2

Chỉ số cải cách hành chính của UBND các huyện, thị xã, thành phố

(Ban hành kèm theo Quyết định số: QĐ-UBND ngày / /2019 của UBND tỉnh)

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá thực tế				Chỉ số
			Tự đánh giá	Hội đồng đánh giá	Điều tra XHH	Điểm đạt được	
I	**ĐIỂM ĐÁNH GIÁ VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CCHC**	**65**					
1	**CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH CCHC**	**8.25**					
1.1	***Kế hoạch CCHC***	*1.5*					
1.1.1	Ban hành kế hoạch CCHC	0.5					
	Đạt yêu cầu theo hướng dẫn của Sở Nội vụ: 0.5						
	Không đạt yêu cầu theo hướng dẫn của Sở Nội vụ: 0						
1.1.2	Mức độ hoàn thành kế hoạch CCHC (căn cứ sản phẩm đầu ra đạt được theo kế hoạch của địa phương)	1					
	Hoàn thành 100% kế hoạch: 1						
	Hoàn thành từ 80% - dưới 100% kế hoạch: 0.5						
	Hoàn thành dưới 80% kế hoạch: 0						
1.2	***Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ***	*1.75*					
	Báo cáo định kỳ quý, 6 tháng, năm về CCHC: 0.5						
	Báo cáo năm rà soát VBQPPL: 0.25						
	Báo cáo năm về theo dõi thi hành pháp luật: 0.25						
	Báo cáo năm về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức: 0.25						
	Báo cáo định kỳ hàng quý, năm về kết quả ứng dụng CNTT: 0.5						

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá thực tế				Chỉ số
			Tự đánh giá	Hội đồng đánh giá	Điều tra XHH	Điểm đạt được	
1.3	***Công tác kiểm tra CCHC***	*2*					
1.3.1	Tỷ lệ phòng chuyên môn thuộc UBND cấp huyện, đơn vị hành chính cấp xã được kiểm tra trong năm	1					
	Từ 30% số đơn vị trở lên: 1						
	Từ 20%- dưới 30% số đơn vị: 0.5						
	Dưới 20% số đơn vị: 0						
1.3.2	Xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	1					
	100% số vấn đề phát hiện được xử lý/kiến nghị xử lý: 1						
	Từ 70% - dưới 100% số vấn đề phát hiện được xử lý/kiến nghị xử lý: 0.5						
	Dưới 70% số vấn đề đã xử lý/kiến nghị xử lý: 0						
1.4	***Công tác tuyên truyền CCHC***	*2*					
1.4.1	Mức độ hoàn thành kế hoạch tuyên truyền CCHC	1					
	Hoàn thành 100% kế hoạch: 1						
	Hoàn thành dưới 100% kế hoạch: 0						
1.4.2	Thực hiện các hình thức tuyên truyền CCHC	1					
	Thực hiện đầy đủ việc tuyên truyền trên các kênh truyền thống của cấp huyện: 0.5						
	Thực hiện các hình thức tuyên truyền khác về CCHC: 0.5						
1.5	***Thực hiện các nhiệm vụ được Chủ tịch UBND tỉnh hoặc UBND tỉnh giao***	*1*					

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá thực tế				Chỉ số
			Tự đánh giá	Hội đồng đánh giá	Điều tra XHH	Điểm đạt được	
	Hoàn thành 100% nhiệm vụ được giao, đảm bảo chất lượng và thời gian quy định: 1						
	Hoàn thành 100% số nhiệm vụ được giao nhưng có nhiệm vụ hoàn thành muộn so với tiến độ: 0.5						
	Hoàn thành dưới 100% số nhiệm vụ được giao: 0						
2	**XÂY DỰNG VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT TẠI ĐỊA PHƯƠNG**	3.5					
2.1	***Theo dõi thi hành pháp luật (TDTHPL)***	*2*					
2.1.1	Thực hiện các hoạt động về TDTHPL	1					
	Thu thập thông tin về tình hình thi hành pháp luật: 0.25						
	Kiểm tra tình hình thi hành pháp luật: 0.25						
	Điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật: 0.5						
2.1.2	Xử lý kết quả TDTHPL	1					
	Ban hành đầy đủ văn bản xử lý hoặc kiến nghị xử lý kết quả TDTHPL theo thẩm quyền: 1						
	Không ban hành đầy đủ văn bản xử lý hoặc kiến nghị xử lý kết quả TDTHPL theo thẩm quyền: 0						
2.2	***Xử lý VBQPPL sau rà soát***	*1*					
	100% số văn bản được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 1						
	Dưới 100% số văn bản được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0						
2.3	***Xử lý văn bản phát hiện sai phạm qua kiểm tra hoặc tự kiểm tra***	*0.5*					

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá thực tế				Chỉ số
			Tự đánh giá	Hội đồng đánh giá	Điều tra XHH	Điểm đạt được	
	Từ 100% số văn bản được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0.5						
	Dưới 100% số văn bản được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0						
3	**CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH (TTHC)**	**15**					
3.1	***Rà soát, đánh giá TTHC***	***1.5***					
3.1.1	Ban hành kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC của UBND cấp huyện	0.5					
	Có văn bản đăng ký rà soát, đánh giá TTHC và có ban hành kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC đúng nội dung, thời gian quy định: 0.5						
	Không có văn bản đăng ký rà soát, đánh giá TTHC và không ban hành kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC đúng nội dung, thời gian quy định: 0						
3.1.2	Mức độ hoàn thành kế hoạch	0.5					
	Hoàn thành 100% kế hoạch: 0.5						
	Hoàn thành từ 70% - dưới 100% kế hoạch: 0.25						
	Hoàn thành dưới 70% kế hoạch: 0						
3.1.3	Xử lý các vấn đề phát hiện qua rà soát TTHC	0.5					
	100% số vấn đề phát hiện qua rà soát được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0.5						
	Từ 70% - dưới 100% vấn đề phát hiện qua rà soát được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0.25						

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá thực tế				Chỉ số
			Tự đánh giá	Hội đồng đánh giá	Điều tra XHH	Điểm đạt được	
	Dưới 70% số vấn đề phát hiện qua rà soát được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0						
3.2	***Công khai thủ tục hành chính và kết quả giải quyết hồ sơ***	***3.5***					
3.2.1	Niêm yết, công khai danh mục TTHC được thực hiện tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	0.5					
	Danh mục TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết, Danh mục TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết được thực hiện tiếp nhận, trả kết quả giải quyết qua dịch vụ bưu chính công ích, Danh mục TTHC không thực hiện tiếp nhận, trả kết quả giải quyết qua dịch vụ bưu chính công ích: 0.25						
	Hộp thư góp ý: 0.25						
3.2.2	Công khai TTHC trên Cổng/Trang thông tin điện tử của UBND cấp huyện	0.5					
	100% số TTHC được đăng tải đầy đủ, kịp thời, đúng quy định: 0.5						
	Dưới 100% số TTHC được đăng tải đầy đủ, kịp thời, đúng quy định: 0						
3.2.3	Công khai các chuẩn mực, các quy định hành chính, công bố phí, lệ phí tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tạo điều kiện cho tổ chức, công dân giám sát	0.5					
	Thực hiện đầy đủ: 0.5						
	Không thực hiện đầy đủ: 0						

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá thực tế				Chỉ số
			Tự đánh giá	Hội đồng đánh giá	Điều tra XHH	Điểm đạt được	
3.2.4	Công khai tiến độ, kết quả giải quyết hồ sơ TTHC của UBND cấp huyện và 100% UBND cấp xã trên Cổng/Trang thông tin điện tử của huyện	2					
	100% số hồ sơ, TTHC đã được công khai tiến độ, kết quả giải quyết đúng quy định: 2						
	Dưới 100% số hồ sơ, TTHC đã được công khai tiến độ, kết quả giải quyết đúng quy định: 0						
3.3	***Thực hiện theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông***	***1.5***					
3.3.1	Tỷ lệ TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện, đơn vị hành chính cấp xã được thực hiện theo cơ chế một cửa	1					
	100% số TTHC: 1						
	Dưới 100% số TTHC: 0						
3.3.2	Số TTHC hoặc nhóm TTHC được giải quyết theo hình thức liên thông cùng cấp	0.25					
	Từ 3 TTHC hoặc nhóm TTHC trở lên: 0.25						
	Từ 1-2 TTHC hoặc nhóm TTHC: 0.125						
	Không TTHC hoặc nhóm TTHC: 0						
3.3.3	Số TTHC hoặc nhóm TTHC được giải quyết theo hình thức liên thông giữa các cấp chính quyền	0.25					
	Từ 3 TTHC hoặc nhóm TTHC trở lên: 0.25						
	Từ 1-2 TTHC hoặc nhóm TTHC: 0.125						

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá thực tế				Chỉ số
			Tự đánh giá	Hội đồng đánh giá	Điều tra XHH	Điểm đạt được	
	Không TTHC hoặc nhóm TTHC: 0						
3.4	***Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp huyện, đơn vị hành chính cấp xã tiếp nhận trong năm được giải quyết đúng hạn***	*2*					
	100% số hồ sơ TTHC trong năm được giải quyết đúng hạn: 2						
	Từ 95% - dưới 100% số hồ sơ TTHC trong năm được giải quyết đúng hạn: 1						
	Từ 70% - dưới 95% số hồ sơ TTHC trong năm được giải quyết đúng hạn: 0.5						
	Dưới 70% số hồ sơ TTHC trong năm được giải quyết đúng hạn: 0						
3.5	***Thực hiện chính sách, trang thiết bị và mức độ hiện đại hóa tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện, đơn vị hành chính cấp xã***	*2.5*					
3.5.1	Bố trí công chức; thực hiện chế độ phụ cấp; đồng phục và đeo thẻ công chức đối với công chức làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo quy định	0.5					
	Thực hiện đúng theo quy định: 0.5						
	Không thực hiện đúng theo quy định: 0						
3.5.2	Tỷ lệ TTHC tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện, đơn vị hành chính cấp xã được đưa vào xử lý trên phần mềm Một cửa điện tử	1					
	100% TTHC được đưa vào xử lý trên phần mềm Một cửa điện tử: 1						

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá thực tế				Chỉ số
			Tự đánh giá	Hội đồng đánh giá	Điều tra XHH	Điểm đạt được	
	Dưới 100% TTHC được đưa vào xử lý trên phần mềm Một cửa điện tử: 0						
3.5.3	Trang thiết bị cho Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện, đơn vị hành chính cấp xã	0.5					
	Đáp ứng nhu cầu làm việc và ứng dụng công nghệ thông tin: 0.5						
	Không đáp ứng: 0						
3.5.4	Hoàn thiện quy chế hoạt động tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện, đơn vị hành chính cấp xã	0.5					
	Kịp thời rà soát các quy định và hoàn thiện quy chế của địa phương: 0.5						
	Không thực hiện: 0						
3.6	***Thực hiện các biểu mẫu theo quy định tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện, đơn vị hành chính cấp xã***	*2*					
3.6.1	Thực hiện đúng các biểu mẫu, sổ quản lý hồ sơ (hoặc phần mềm theo dõi) theo quy định tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	1					
	Thực hiện đúng quy định: 1						
	Thực hiện không đúng quy định: 0						
3.6.2	Việc cập nhật thông tin vào các biểu mẫu, sổ quản lý hồ sơ (hoặc phần mềm theo dõi)	0.5					
	Đầy đủ, chính xác: 0.5						

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá thực tế				Chỉ số
			Tự đánh giá	Hội đồng đánh giá	Điều tra XHH	Điểm đạt được	
	Chưa đầy đủ, chính xác: 0						
3.6.3	Tiếp nhận đúng các thành phần hồ sơ như TTHC đã niêm yết, công khai	0.5					
	Thực hiện đúng quy định: 0.5						
	Thực hiện không đúng quy định: 0						
3.7	***Thực hiện xin lỗi tổ chức, công dân đối với trường hợp hồ sơ quá hạn giải quyết tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện, đơn vị hành chính cấp xã (nếu có)***	*1*					
	100% hồ sơ quá hạn giải quyết có văn bản xin lỗi: 1						
	Dưới 100% hồ sơ quá hạn giải quyết có văn bản xin lỗi: 0						
3.8	***Tiếp nhận và xử lý phản ánh, kiến nghị (PAKN) của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện, đơn vị hành chính cấp xã***	*1*					
3.8.1	Thực hiện việc tiếp nhận PAKN của cá nhân, tổ chức đối với việc giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện, đơn vị hành chính cấp xã	0.5					
	Niêm yết công khai nội dung hướng dẫn và đường dây nóng; thực hiện tiếp nhận PAKN của công dân, tổ chức đúng quy định: 0.5						
	Không niêm yết hoặc niêm yết không đầy đủ, không đúng quy định hoặc không thực hiện việc tiếp nhận PAKN: 0						
3.8.2	Xử lý, giải quyết PAKN của cá nhân, tổ chức đối với việc giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện, đơn vị	0.5					

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá thực tế				Chỉ số
			Tự đánh giá	Hội đồng đánh giá	Điều tra XHH	Điểm đạt được	
	hành chính cấp xã						
	100% số PAKN được xử lý, giải quyết hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý: 0.5						
	Dưới 100% số PAKN được xử lý, giải quyết hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý: 0						
4	**CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH**	**6.5**					
4.1	***Thực hiện các quy định của Trung ương và của tỉnh về tổ chức bộ máy, chức năng, nhiệm vụ của các phòng chuyên môn thuộc UBND cấp huyện, đơn vị hành chính cấp xã***	*2.5*					
4.1.1	Thực hiện các quy định của Trung ương và của tỉnh về tổ chức bộ máy, chức năng, nhiệm vụ của phòng chuyên môn thuộc UBND cấp huyện, đơn vị hành chính cấp xã	1					
	Thực hiện đúng quy định: 1						
	Thực hiện chưa đúng quy định: 0						
4.1.2	Thực hiện quy định về cơ cấu số lượng lãnh đạo cấp phòng thuộc UBND cấp huyện	1					
	Thực hiện đúng quy định: 1						
	Thực hiện không đúng quy định: 0						
4.1.3	Tỷ lệ giảm số lượng đơn vị sự nghiệp công lập	0.5					
	Có giảm so với năm trước: 0.5						
	Không giảm so với năm trước: 0						
4.2	***Thực hiện các quy định về quản lý biên chế***	*3*					

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá thực tế				Chỉ số
			Tự đánh giá	Hội đồng đánh giá	Điều tra XHH	Điểm đạt được	
4.2.1	Thực hiện quy định về sử dụng biên chế hành chính	1					
	Sử dụng không vượt quá số lượng biên chế hành chính được giao: 1						
	Sử dụng vượt quá số lượng biên chế hành chính được giao: 0						
4.2.2	Thực hiện quy định về số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc	1					
	Sử dụng không vượt quá số lượng người làm việc được giao: 1						
	Sử dụng vượt quá số lượng người làm việc được giao: 0						
4.2.3	Mức độ hoàn thành kế hoạch tinh giản biên chế của UBND cấp huyện	1					
	Hoàn thành 100% kế hoạch: 1						
	Không hoàn thành 100% kế hoạch: 0						
4.3	***Thực hiện các quy định về phân cấp quản lý do UBND tỉnh ban hành thuộc chức năng quản lý của UBND cấp huyện***	*1*					
	Thực hiện đầy đủ các quy định: 1						
	Thực hiện không đầy đủ các quy định: 0						
5	**XÂY DỰNG VÀ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC**	**7.5**					
5.1	***Thực hiện cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí việc làm***	*2*					
5.1.1	UBND cấp huyện, đơn vị hành chính cấp xã bố trí công chức theo đúng vị trí việc làm được phê duyệt	1					

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá thực tế				Chỉ số
			Tự đánh giá	Hội đồng đánh giá	Điều tra XHH	Điểm đạt được	
	Không có tình trạng ký hợp đồng lao động làm công tác chuyên môn, nghiệp vụ: 1						
	Còn tình trạng ký hợp đồng lao động làm công tác chuyên môn, nghiệp vụ: 0						
5.1.2	Đơn vị sự nghiệp thuộc UBND cấp huyện bố trí viên chức theo đúng vị trí việc làm được phê duyệt	1					
	Đã xây dựng Đề án điều chỉnh, tinh giản vị trí việc làm trong các đơn vị sự nghiệp công lập: 0.25						
	80% đơn vị đã hoàn thiện mô tả công việc và khung năng lực của từng vị trí việc làm theo danh mục vị trí việc làm đã được UBND tỉnh phê duyệt: 0.5						
	Bố trí viên chức theo đúng vị trí việc làm được phê duyệt: 0.25						
	Bố trí viên chức chưa đúng vị trí việc làm được phê duyệt: 0						
5.2	***Thực hiện quy định về bổ nhiệm, bổ nhiệm lại vị trí lãnh đạo cấp phòng thuộc UBND cấp huyện***	*1*					
	100% số lãnh đạo được bổ nhiệm đúng quy định: 1						
	Dưới 100% số lãnh đạo được bổ nhiệm đúng quy định: 0						
5.3	***Xử lý kịp thời các trường hợp vi phạm sau khi có kết luận vi phạm của các cơ quan có thẩm quyền***	*1*					
	Xử lý, khắc phục kịp thời: 1						
	Xử lý, khắc phục chưa kịp thời: 0						
5.4	***Đánh giá, phân loại công chức, viên chức***	*1.5*					

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá thực tế				Chỉ số
			Tự đánh giá	Hội đồng đánh giá	Điều tra XHH	Điểm đạt được	
5.4.1	Thực hiện trình tự, thủ tục đánh giá, phân loại công chức, viên chức và báo cáo đúng thời gian quy định	0.5					
	Thực hiện đúng quy định: 0.5						
	Không thực hiện đúng quy định: 0						
5.4.2	Chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức, viên chức	1					
	Trong năm không có cán bộ, công chức làm việc tại cấp phòng chuyên môn thuộc UBND cấp huyện bị kỷ luật từ mức khiển trách trở lên: 0.5						
	Trong năm không có cán bộ, công chức, cấp xã bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên: 0.5						
5.5	***Mức độ hoàn thành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC của UBND cấp huyện***	*1*					
	Hoàn thành 100% kế hoạch: 1						
	Hoàn thành từ 80% - dưới 100% kế hoạch: 0.5						
	Hoàn thành dưới 80% kế hoạch: 0						
5.6	***Cán bộ, công chức cấp xã***	*1*					
5.6.1	Tỷ lệ đạt chuẩn chuyên môn nghiệp vụ của cán bộ cấp xã	0.5					
	100% số cán bộ cấp xã đạt chuẩn: 0.5						
	Dưới 100% số cán bộ cấp xã đạt chuẩn: 0						
5.6.2	Tỷ lệ đạt chuẩn chuyên môn nghiệp vụ của công chức cấp xã	0.5					

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá thực tế				Chỉ số
			Tự đánh giá	Hội đồng đánh giá	Điều tra XHH	Điểm đạt được	
	100% số công chức cấp xã đạt chuẩn: 0.5						
	Dưới 100% số công chức cấp xã đạt chuẩn: 0						
6	**CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG**	**11**					
6.1	***Tổ chức thực hiện công tác tài chính - ngân sách***	*2*					
6.1.1	Tổ chức thực hiện các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách tại địa phương	1					
	100% số kiến nghị được thực hiện:1						
	Từ 80% - dưới 100% số kiến nghị được thực hiện: 0.5						
	Dưới 80% số kiến nghị được thực hiện: 0						
6.1.2	Thực hiện giải ngân kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước hàng năm	1					
	Đạt tỷ lệ giải ngân từ 90% trở lên so với kế hoạch được giao: 1						
	Đạt tỷ lệ giải ngân từ 60% - dưới 90% so với kế hoạch được giao: 0.5						
	Đạt tỷ lệ giải ngân dưới 60% so với kế hoạch được giao: 0						
6.2	***Tỷ lệ đơn vị hành chính trực thuộc triển khai thực hiện cơ chế khoán biên chế và kinh phí hành chính theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP và Nghị định số 117/2013/NĐ-CP của Chính phủ***	*1*					
	100% số đơn vị triển khai thực hiện và có ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ, Quy chế quản lý sử dụng tài sản công: 1						

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá thực tế				Chỉ số
			Tự đánh giá	Hội đồng đánh giá	Điều tra XHH	Điểm đạt được	
	Dưới 100% số đơn vị triển khai thực hiện và có ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ, Quy chế quản lý sử dụng tài sản công: 0						
6.3	***Tỷ lệ đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức khoa học và công nghệ công lập trực thuộc triển khai thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm theo Nghị định số 43/2006/NĐ-CP; Nghị định số 16/2015/NĐ-CP; Nghị định số 141/2016/NĐ-CP; Nghị định số 54/2016/NĐ-CP của Chính phủ***	*1*					
	100% số đơn vị triển khai thực hiện và có ban hành quy chế chi tiêu nội bộ: 1						
	Dưới 100% số đơn vị triển khai thực hiện và có ban hành quy chế chi tiêu nội bộ: 0						
6.4	***Xây dựng dự toán ngân sách hàng năm***	*1*					
	Thực hiện đúng thời gian quy định: 1						
	Không thực hiện hoặc thực hiện không đúng thời gian quy định: 0						
6.5	***Báo cáo quyết toán và báo cáo đánh giá hiệu quả của việc thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính; cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm tại các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc (nếu có)***	*1*					
	Đủ số lượng và đảm bảo về nội dung và thời gian theo quy định: 1						

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá thực tế				Chỉ số
			Tự đánh giá	Hội đồng đánh giá	Điều tra XHH	Điểm đạt được	
	Không đủ số lượng hoặc không đảm bảo về nội dung hoặc thời gian theo quy định: 0						
6.6	***Quản lý, sử dụng kinh phí hành chính***	*0.5*					
	Thực hiện đúng quy định về quản lý, sử dụng kinh phí hành chính: 0.5						
	Không thực hiện đúng quy định về quản lý, sử dụng kinh phí hành chính: 0						
6.7	***Thực hiện các quy định và báo cáo tình hình quản lý sử dụng tài sản công tại địa phương***	*1*					
	Đúng theo quy định: 1						
	Không đúng theo quy định: 0						
6.8	***Thực hiện cơ chế tự chủ tại các đơn vị sự nghiệp công lập***	*3.5*					
6.8.1	Số đơn vị SNCL tự bảo đảm chi thường xuyên	1					
	Có thêm từ 02 đơn vị trở lên: 1						
	Có thêm 01 đơn vị: 0.5						
	Không có thêm: 0						
6.8.2	Số đơn vị SNCL tự bảo đảm một phần chi thường xuyên	0.5					
	Có thêm từ 02 đơn vị trở lên: 0.5						
	Có thêm 01 đơn vị: 0.25						
	Không có thêm: 0						

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá thực tế				Chỉ số
			Tự đánh giá	Hội đồng đánh giá	Điều tra XHH	Điểm đạt được	
6.8.3	Thực hiện quy định về việc phân phối kết quả tài chính hoặc sử dụng kinh phí tiết kiệm chi thường xuyên trong năm tại các đơn vị SNCL	1					
	Không có sai phạm được phát hiện trong năm đánh giá: 1						
	Có sai phạm được phát hiện trong năm đánh giá: 0						
6.8.4	Tỷ lệ giảm chi trực tiếp ngân sách cho đơn vị sự nghiệp so với năm 2015	1					
	Đạt tỷ lệ từ 10% trở lên: 1						
	Đạt tỷ lệ dưới 10%: 0						
7	**HIỆN ĐẠI HÓA HÀNH CHÍNH**	**13.25**					
7.1	***Ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) của địa phương***	*4.5*					
7.1.1	Tỷ lệ văn bản trao đổi giữa các cơ quan hành chính nhà nước dưới dạng điện tử và được ký chữ ký số của Ban Cơ yếu Chính phủ	1					
	100% số văn bản (trừ văn bản Mật): 1						
	Từ 90% - dưới 100% văn bản (trừ văn bản Mật): 0.5						
	Dưới 90% số văn bản: 0						
7.1.2	Chất lượng Cổng/Trang thông tin điện tử của địa phương	1					
	Thông tin kịp thời, đầy đủ: 1						
	Thông tin không kịp thời, không đầy đủ: 0						

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá thực tế				Chỉ số
			Tự đánh giá	Hội đồng đánh giá	Điều tra XHH	Điểm đạt được	
7.1.3	Việc xử lý văn bản đến/đi trong nội bộ địa phương được thực hiện hoàn toàn trên phần mềm Quản lý văn bản và điều hành	2					
	Văn bản đến/đi trong nội bộ đơn vị được thực hiện hoàn toàn trên phần mềm: 2						
	Văn bản đến/đi trong nội bộ đơn vị không được thực hiện hoàn toàn trên phần mềm: 0						
7.1.4	Vận hành Hệ thống thông tin một cửa điện tử	0.5					
	100% cấp xã đã kết nối liên thông tới cấp tỉnh: 0.5						
	Dưới 100% cấp xã đã kết nối liên thông: 0						
7.2	***Cung cấp dịch vụ công trực tuyến***	***2.25***					
7.2.1	Tỷ lệ TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3, 4 có phát sinh hồ sơ trong năm	0.25					
	Từ 60% số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3, 4 trở lên có phát sinh hồ sơ: 0.25						
	Dưới 60% số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3, 4 có phát sinh hồ sơ: 0						
7.2.2	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được xử lý trực tuyến mức độ 3	0.5					
	Từ 40% số hồ sơ TTHC trở lên: 0.5						
	Từ 20% - dưới 40% số hồ sơ TTHC: 0.25						
	Dưới 20% số hồ sơ TTHC: 0						
7.2.3	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được xử lý trực tuyến mức độ 4	0.5					

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá thực tế				Chỉ số
			Tự đánh giá	Hội đồng đánh giá	Điều tra XHH	Điểm đạt được	
	Từ 30% số hồ sơ TTHC trở lên: 0.5						
	Từ 10% - dưới 30% số hồ sơ TTHC: 0.25						-
	Dưới 10% số hồ sơ TTHC: 0						
7.2.4	Các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 được tích hợp tập trung vào Cổng dịch vụ công trực tuyến của tỉnh (http://dvc.gialai.gov.vn)	1					
	Có tích hợp tập trung: 1						
	Không tích hợp tập trung: 0						
7.3	***Thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích (BCCI)***	*1.5*					
7.3.1	Tỷ lệ TTHC đã triển khai có phát sinh hồ sơ tiếp nhận/trả kết quả giải quyết qua dịch vụ BCCI	0.5					
	Từ 50% số TTHC trở lên có phát sinh hồ sơ: 0.5						
	Từ 20% - dưới 50% số TTHC có phát sinh hồ sơ: 0.25						
	Dưới 20% số TTHC có phát sinh hồ sơ: 0						
7.3.2	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận qua dịch vụ BCCI	0.5					-
	Từ 15% số hồ sơ TTHC trở lên: 0.5						
	Từ 10% - dưới 15% số hồ sơ: 0.25						
	Dưới 10% số hồ sơ: 0						
7.3.3	Tỷ lệ kết quả giải quyết TTHC được trả qua dịch vụ BCCI	0.5					

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá thực tế				Chỉ số
			Tự đánh giá	Hội đồng đánh giá	Điều tra XHH	Điểm đạt được	
	Từ 15% số hồ sơ TTHC trở lên: 0.5						
	Từ 10% - dưới 15% số hồ sơ: 0.25						
	Dưới 10% số hồ sơ: 0						
7.4	***Áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng (ISO 9001) theo quy định***	*5*					
7.4.1	Thực hiện triển khai áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng tại tất cả các phòng chuyên môn thuộc UBND cấp huyện, đơn vị hành chính cấp xã	1					
	Đúng theo quy định: 1						
	Không đúng theo quy định: 0						
7.4.2	Thực hiện việc công bố áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001 của địa phương	0.5					
	Thực hiện đầy đủ theo yêu cầu: 0.5						
	Không thực hiện đầy đủ theo yêu cầu: 0						
7.4.3	Thực hiện áp dụng và duy trì tốt Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001 vào hoạt động, gồm 4 hoạt động:	1					
	+ Ban hành mục tiêu chất lượng: 0.25;						
	+ Tổ chức hoạt động đánh giá nội bộ định kỳ theo quy trình đánh giá nội bộ đã xây dựng: 0.25;						
	+ Đánh giá thực hiện mục tiêu chất lượng: 0.25;						
	+ Tiến hành xem xét của lãnh đạo hàng năm: 0.25.						

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá thực tế				Chỉ số
			Tự đánh giá	Hội đồng đánh giá	Điều tra XHH	Điểm đạt được	
7.4.4	Việc kiểm soát, vận hành Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001	1					
	Thực hiện đầy đủ việc rà soát, sửa đổi, bổ sung cập nhật quy trình giải quyết thủ tục hành chính, kể từ khi văn bản quy phạm pháp luật hoặc quyết định công bố thủ tục hành chính có hiệu lực thi hành:						
	+ Trong vòng 45 ngày: 0.5						
	+ Trong vòng 90 ngày: 0.25						
	+ Quá 90 ngày: 0						
	Thực hiện khắc phục các điểm không phù hợp của Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001 sau các lần đánh giá nội bộ, xem xét của lãnh đạo và cuộc kiểm tra, giám sát của các Đoàn kiểm tra:						
	- Đã thực hiện: 0.5						
	- Không thực hiện: 0						
7.4.5	Báo cáo hàng năm việc áp dụng, duy trì, cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001 vào hoạt động quản lý của UBND cấp huyện (tổng hợp cả cấp xã)	1					
	Thực hiện đúng thời gian quy định: 1						
	Thực hiện không đúng thời gian hoặc không có báo cáo: 0						
7.4.6	*Tỷ lệ đơn vị hành chính cấp xã công bố ISO 9001 theo quy định*	0.5					
	100% cấp xã đã công bố: 0.5						

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá thực tế				Chỉ số
			Tự đánh giá	Hội đồng đánh giá	Điều tra XHH	Điểm đạt được	
	Dưới 100% cấp xã: 0						
II	**ĐIỂM THƯỞNG**	**5**					
1	Có đề xuất giải pháp hoặc cách làm mới được UBND tỉnh phê duyệt áp dụng trên địa bàn huyện mang lại hiệu quả trong công tác CCHC	1					
2	Trong năm không có hồ sơ, TTHC giải quyết trễ hạn dưới bất kỳ hình thức nào (qua kiểm tra trên phần mềm Hệ thống tổng hợp thông tin Một cửa tỉnh Gia Lai và qua kiểm tra thực tế của các Đoàn thanh tra, kiểm tra, giám sát…)	1					
3	Kết quả quản lý, điều hành của người đứng đầu UBND cấp huyện trong việc đạt điểm tối đa các tiêu chí 1.1; 1.2; 1.3; 1.4; 1.5	1					
4	Đã triển khai cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3	0.5					
5	100% TTHC đã triển khai có phát sinh hồ sơ tiếp nhận/trả kết quả giải quyết qua dịch vụ BCCI	1					
6	Đã triển khai mô hình một cửa, một cửa liên thông theo hướng hiện đại đến 100% cấp xã	0.5					
III	**ĐIỂM TRỪ**	**5**					
1	Có đơn thư phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo về kết quả giải quyết công việc, TTHC, thái độ, hành vi gây phiền hà, những nhiễu, chậm trễ của cán bộ, công chức, viên chức được cơ quan có thẩm quyền xử lý đúng hoặc đúng một phần	1					

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá thực tế				Chỉ số
			Tự đánh giá	Hội đồng đánh giá	Điều tra XHH	Điểm đạt được	
2	Thực hiện không đúng quy trình xây dựng văn bản QPPL *(Nếu có xây dựng văn bản QPPL)*	1					
3	Dưới 100% các phòng chuyên môn thuộc UBND cấp huyện và đơn vị hành chính cấp xã cập nhật, công khai, niêm yết đầy đủ các TTHC và thông tin tiếp nhận phản ánh, kiến nghị tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả, trên Cổng/Trang thông tin điện tử	1					
4	Có từ 01 hồ sơ TTHC trở lên trong năm giải quyết trễ hạn nhưng không thực hiện văn bản xin lỗi tổ chức, cá nhân	1					
5	Không thực hiện đầy đủ công tác hệ thống hóa văn bản QPPL (nếu có) theo Kế hoạch của UBND tỉnh	1					
IV	**ĐIỀU TRA XÃ HỘI HỌC**	**30**					
1	Thời gian trả kết quả giải quyết, xử lý hồ sơ thủ tục hành chính so với quy định hoặc yêu cầu của cơ quan, đơn vị chủ trì	2					
2	Số lần phải liên hệ với cơ quan tiếp nhận để hoàn thiện hồ sơ thủ tục hành chính (kể cả liên hệ theo hình thức trực tuyến)	2					
3	Tính chính xác, đầy đủ, kịp thời của thông tin thủ tục hành chính được công khai so với quy định	2					
4	Thái độ ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, giải quyết thủ tục hành chính	2					

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá thực tế				Chỉ số
			Tự đánh giá	Hội đồng đánh giá	Điều tra XHH	Điểm đạt được	
5	Sự phù hợp với pháp luật của kết quả giải quyết thủ tục hành chính và chi phí thực hiện thủ tục hành chính; các chi phí phát sinh ngoài quy định của pháp luật khi thực hiện các thủ tục hành chính	2					
6	Thời gian và chất lượng ý kiến giải trình của cơ quan có thẩm quyền, cán bộ, công chức, viên chức đối với các ý kiến phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của tổ chức, cá nhân	2					
7	Tiến độ và chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến của cơ quan có thẩm quyền	2					
8	Thời gian thực hiện của từng cơ quan, đơn vị tham gia giải quyết (kể cả đơn vị phối hợp) so với quy định	2					
9	Số lượng cơ quan, đơn vị, tổ chức phải liên hệ để hoàn thiện hồ sơ thủ tục hành chính (kể cả liên hệ theo hình thức trực tuyến)	2					
10	Thực hiện tổ chức tiếp nhận hồ sơ, giải quyết, trả kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	2					
11	Công khai TTHC	2					
12	Thái độ của cán bộ, công chức, viên chức khi hướng dẫn lập hồ sơ, tiếp nhận hồ sơ và giải quyết thủ tục hành chính	2					
13	Mức độ kịp thời, đầy đủ và thuận tiện trong việc truy cập, khai thác thông tin trên Cổng/Trang thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị và sự thuận tiện trong việc tìm hiểu thông tin để giải quyết hồ sơ, TTHC (tuyên truyền, phổ biến đến người dân...)	2					
14	Tình trạng lợi dụng chức vụ, quyền hạn để trục lợi cá nhân của công chức giải quyết hồ sơ TTHC	2					

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá thực tế				Chỉ số
			Tự đánh giá	Hội đồng đánh giá	Điều tra XHH	Điểm đạt được	
15	Có thực hiện văn bản xin lỗi tổ chức, công dân đối với các hồ sơ TTHC giải quyết quá hạn	2					
	TỔNG ĐIỂM	**100**					